**Apply liền tay – Có ngay việc tốt**

****

* *Bạn là công dân Việt Nam, tuổi đời chưa quá 35?*
* *Bạn là người có khát vọng?*
* *Bạn là người có niềm tin?*
* *Bạn đang tìm kiếm “vùng đất” để thỏa chí khai phá hết tiềm năng bản thân?*

Vậy bạn còn chần chừ gì nữa, hãy gia nhập cùng chúng tôi - BIDV, một trong bốn Big4 tại Việt Nam. BIDV đang tìm cộng sự làm việc tại các Chi nhánh của BIDV trên toàn quốc cho các vị trí sau:

 **1**. **Chuyên viên nghiệp vụ tín dụng: 323** người

 **2**. **Chuyên viên nghiệp vụ kế toán: 14** người

 **3. Chuyên viên tổ chức nhân sự: 02** người

 **4**. **Nhân viên nghiệp vụ tín dụng**: **05** người

 **5**. **Nhân viên nghiệp vụ kế toán: 03** người

Thông tin chi tiết vui lòng truy cập: [**https://tuyendung.bidv.com.vn/co-hoi-nghe-nghiep.html**](https://tuyendung.bidv.com.vn/co-hoi-nghe-nghiep.html)

 **Thời hạn cuối nhận hồ sơ: *ngày 10 tháng 6 năm 2023***

**I. ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN DỰ TUYỂN**

**1. Đối với CHUYÊN VIÊN nghiệp vụ**

**a) Trình độ đào tạo**

* *Với chi nhánh thuộc nhóm I:*

- **Ứng viên tốt nghiệp đại học trong nước** *(không bao gồm các trường hợp tốt nghiệp đại học theo hình thức học liên thông lên Đại học):* đã tốt nghiệp **hoặc đã được cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp đại học tạm thời/hoặc xác nhận của Trường đại học về hoàn thành các môn học**, hệ chính quy, tập trung, dài hạn tại các trường đại học công lập và một số trường đại học ngoài công lập sau: *(1) Trường đại học Duy Tân; (2) Trường đại học Nguyễn Tất Thành; (3) Trường đại học FPT; (4) Trường đại học Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh; (5) Trường đại học Hoa Sen; (6) Trường đại học Lạc Hồng; (7) Trường đại học Ngoại ngữ - Tin học TP.HCM; (8) Trường đại học quốc tế Sài Gòn; (9) Trường đại Học Kinh Tế – Tài Chính TP.HCM.*

Trường hợp tốt nghiệp thạc sỹ hoặc đại học văn bằng 2 thì bằng đại học/bằng thứ nhất phải thuộc **hệ đào tạo chính quy**.

- **Ứng viên tốt nghiệp trường Đại học nước ngoài**[[1]](#footnote-1), **Chương trình đào tạo liên kết**: có bằng tốt nghiệp đại học trở lên.

* *Với chi nhánh thuộc nhóm II:*

- **Ứng viên tốt nghiệp trường đại học trong nước** (kể cả trường hợp tốt nghiệp đại học theo hình thức liên thông lên Đại học): đã tốt nghiệp hoặc **đã được cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp đại học tạm thời/hoặc xác nhận của Trường đại học về hoàn thành các môn học**, hệ chính quy, tập trung, dài hạn tại các trường đại học công lập, đại học ngoài công lập.

 Trường hợp tốt nghiệp thạc sỹ, đại học văn bằng 2 thì bằng đại học/bằng đại học thứ nhất phải thuộc hệ đào tạo chính quy.

- **Ứng viên tốt nghiệp trường Đại học nước ngoài**1, **Chương trình đào tạo liên kết**: tốt nghiệp đại học trở lên.

*(Chi tiết phân nhóm chi nhánh tại mục V dưới đây).*

**b) Chuyên ngành đào tạo**

- Đối với vị trí thuộc nhóm **nghiệp vụ Tín dụng**, nhóm **nghiệp vụ Kế toán, Tổ chức nhân sự:** Yêu cầu tốt nghiệp các chuyên ngành phù hợp với vị trí tuyển dụng thuộc các ngành Kinh tế học, Kinh doanh, Tài chính  - Ngân hàng – Bảo hiểm, Kế toán – Kiểm toán, Quản trị - Quản lý, Luật theo quy định về ngành đào tạo của Bộ giáo dục.

- Đối với vị trí Chuyên viên **Công nghệ thông tin**: tốt nghiệp chuyên ngành phù hợp thuộc các ngành Máy tính, Công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông theo quy định về ngành đào tạo của Bộ giáo dục.

**c) Trình độ ngoại ngữ:** Chứng chỉ Tiếng Anh tối thiểu: Toiec 430/990, Toefl PBT/IPT 430/677, Toefl CBT 123/300, Toefl iBT 40/120, Ielts 3.5/9.0, Cambridge Exam: Premiminary (PET). *Các ứng viên chưa có chứng chỉ Tiếng Anh phù hợp được phép cam kết bổ sung trong 06 tháng kể từ thời điểm trúng tuyển*.

**d) Trình độ tin học:** Sử dụng thành thạo tin học văn phòng (Ưu tiên ứng viên có các chứng chỉ quốc tế như MOS, ICDL, IC3).

**2. Đối với NHÂN VIÊN nghiệp vụ**

**a) Trình độ đào tạo**

* *Đối với chi nhánh thuộc nhóm I*: Tốt nghiệp đại học trở lên.
* *Đối với chi nhánh thuộc nhóm II:* Tốt nghiệp cao đẳng chính quy hoặc đại học trở lên.

**b) Chuyên ngành đào tạo**: yêu cầu tương tự như đối với vị trí Chuyên viên nghiệp vụ.

**c)** **Trình độ ngoại ngữ**: Chứng chỉ Tiếng Anh tối thiểu: Toiec 400/990, Toefl PBT/IPT 400/677, Toefl CBT 96/300, Toefl iBT 35/120, Ielts 3.0/9.0, Cambridge Exam: Key (KET*). Các ứng viên chưa có chứng chỉ Tiếng Anh phù hợp được phép cam kết bổ sung chứng chỉ trong 06 tháng kể từ thời điểm trúng tuyển*.

**d) Trình độ tin học**: Sử dụng thành thạo tin học văn phòng phòng (ưu tiên ứng viên có các chứng chỉ quốc tế như MOS, ICDL, IC3).

**3. Đối tượng được đặc cách vào vòng phỏng vấn (miễn thi viết tiếng Anh và nghiệp vụ):**

Ứng viên đáp ứng đồng thời 02 điều kiện sau thì được :

**(i)** Đã có bằng/hoặc giấy xác nhận tốt nghiệp đại học loại Xuất sắc, hệ chính quy, tập trung, dài hạn (không bao gồm trường hợp tốt nghiệp đại học văn bằng 2, liên thông lên Đại học) tại các trường: *(1) Trường đại học Kinh tế quốc dân; (2) Học viện Ngân hàng; (3) Học viện Tài chính; (4) Trường đại học Ngân hàng TP HCM; (5) Trường đại học Kinh tế TP HCM; (6) Trường đại học Kinh tế - Đại học quốc gia HN; (7) Trường đại học Ngoại thương,* có chuyên ngành phù hợp quy định tại điểm 1b và 2b mục I nêu trên.

**(ii)** Có chứng chỉ Tiếng Anh: Ielts 6.5 hoặc Toefl iBT91/Toefl PBT 577 hoặc Toiec 800 trở lên hoặc tốt nghiệp Đại học/sau Đại học tại các quốc gia sử dụng tiếng Anh là ngôn ngữ chính thức.

*Trường hợp ứng viên là sinh viên năm cuối đang chờ lấy bằng, bắt buộc phải có giấy chứng nhận tốt nghiệp đại học loại xuất sắc.*

**4. Đối tượng được miễn thi viết Tiếng Anh**

Ứng viên ***đáp ứng đầy đủ các điều kiện, tiêu chuẩn về trình độ đào tạo quy định tại điểm 1 & 2***mục I nêu trên được xem xét miễn thi viết tiếng Anh nếu đáp ứng *một trong các điều kiện* dưới đây:

**(i)** Có chứng chỉ tiếng Anh tối thiểu: TOEFL-PBT 475 điểm; TOEFL-CBT 150 điểm; TOEFL\_IBT 52 điểm; IELTS 5.0 điểm; TOEIC 550 điểm còn thời hạn hiệu lực tính đến ngày 30/6/2023. Chứng chỉ tiếng Anh phải do các **đơn vị có thẩm quyền dưới đây** cấp:

- Chứng chỉ TOEIC, TOEFL: Do Viện Khảo thí giáo dục Hoa Kỳ (Educational Testing Service – ETS) tổ chức, tại Việt Nam, đại diện của ETS cấp chứng chỉ này là IIG Việt Nam;

- Chứng chỉ IELTS: Do [Đại học Cambridge](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A1i_h%E1%BB%8Dc_Cambridge) (University of Cambridge ESOL), [Hội đồng Anh](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BB%99i_%C4%91%E1%BB%93ng_Anh) (British Council) và tổ chức giáo dục [IDP](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=IDP&action=edit&redlink=1) của Úc (IDP Education) cấp.

**(ii)** Tốt nghiệp đại học hệ chính quy, chuyên ngành Tiếng Anh;

**(iii)** Tốt nghiệp đại học nước ngoài và học hoàn toàn bằng Tiếng Anh.

**II. QUYỀN LỢI**

* Lương: gồm (i) mức lương theo vị trí thỏa thuận trên cơ sở kinh nghiệm, năng lực của ứng viên và được rà soát, điều chỉnh hàng năm; (ii) thưởng doanh số hoặc thưởng KPI định kỳ;
* Làm việc trong môi trường chuyên nghiệp, năng động, cởi mở và thân thiện
* Lộ trình phát triển nghề nghiệp rõ ràng, minh bạch
* Được đào tạo cơ bản và chuyên sâu về nghiệp vụ
* Các chế độ phúc lợi hấp dẫn: được mua các loại bảo hiểm (bảo hiểm tai nạn, con người, sức khỏe, bệnh nan y và quỹ hưu trí độc lập) ngoài các chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc; được trang cấp trang phục làm việc hàng năm; chế độ nghỉ mát hàng năm…
* Được tham gia các hoạt động ngoại khóa (teambuilding, hội thao, văn nghệ…).

**III. NHIỆM VỤ CÔNG VIỆC ĐỐI VỚI TỪNG VỊ TRÍ TUYỂN DỤNG**

1. **CHUYÊN VIÊN NHÓM NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG** *(gồm các vị trí công việc: Chuyên viên Quản lý khách hàng, Chuyên viên quản lý rủi ro, Chuyên viên kế hoạch tổng hợp, Chuyên viên quản trị tín dụng).*
2. **Vị trí Chuyên viên Quản lý khách hàng:**
* Tìm kiếm, lựa chọn đối tượng khách hàng mục tiêu;
* Tiếp cận, thiết lập mối quan hệ với khách hàng nhằm tiếp thị, thu hút khách hàng sử dụng các sản phẩm, dịch vụ của BIDV;
* Tư vấn cho khách hàng lựa chọn, sử dụng hợp lý các sản phẩm, dịch vụ của BIDV; tiếp nhận ý kiến của khách hàng về sản phẩm, dịch vụ của BIDV, báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền quyết định;
* Duy trì mối quan hệ với khách hàng, thực hiện chăm sóc khách hàng theo quy định và chính sách của BIDV.
1. **Vị trí Chuyên viên Quản lý rủi ro:**
* Phân tích toàn diện các hồ sơ, đề xuất tín dụng/đề xuất đầu tư của khách hàng; rà soát, đánh giá rủi ro tín dụng/đầu tư một cách độc lập; Lập báo cáo thẩm định rủi ro và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;
* Triển khai thực hiện các chính sách, quy định của BIDV về Hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL), quản lý rủi ro tác nghiệp và công tác phòng chống rửa tiền của Chi nhánh;
* Phân tích, đánh giá, đo lường, kiểm soát rủi ro, đề xuất các biện pháp xử lí và thực hiện báo cáo.
1. **Vị trí Chuyên viên Kế hoạch tổng hợp:**
* Tham gia xây dựng, triển khai kế hoạch kinh doanh của chi nhánh;
* Theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh của Chi nhánh;
* Quản lý, đánh giá tổng thể hoạt động kinh doanh của Chi nhánh.
1. **Vị trí Chuyên viên Quản trị tín dụng:**
* Tiếp nhận và kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ tín dụng;
* Lập tờ trình giải ngân, phát hành bảo lãnh, điều chỉnh tín dụng, báo cáo, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt
1. **CHUYÊN VIÊN NHÓM NGHIỆP VỤ KẾ TOÁN** (Gồm các vị trí: Giao dịch viên; Kế toán viên)
2. **Vị trí Giao dịch viên:**
* Thực hiện quản lý và giao dịch khách hàng tại phòng Giao dịch khách hàng trong phạm vi được phân công, hạn mức được giao và chức năng nhiệm vụ của phòng Giao dịch khách hàng;
* Thực hiện công tác phòng chống rửa tiền đối với các giao dịch phát sinh; phát hiện, báo cáo lãnh đạo để xử lý kịp thời các giao dịch có dấu hiệu đáng ngờ;
* Tiếp nhận ý kiến phản hồi của khách hàng; báo cáo, đề xuất lãnh đạo giải pháp cải tiến để đáp ứng sự hài long của khách hàng
1. **Vị trí Chuyên viên Kế toán**
* Trực tiếp xử lý hạch toán kế toán các nghiệp vụ phát sinh tại phân hệ kế toán tổng hợp và phân hệ quản lý nội bộ;
* Đề xuất, tham mưu cho lãnh đạo phòng trong công tác kế toán, quản lý tài chính, tài sản của chi nhánh.
1. **CHUYÊN VIÊN TỔ CHỨC NHÂN SỰ** (làm việc tại Chi nhánh Đông Hà Nội và Chi nhánh Hồng Hà):
* Thực hiện công tác tuyển dụng, bố trí công tác cho cán bộ tại chi nhánh theo đúng quy trình, quy định của BIDV;
* Triển khai thực hiện các chế độ, chính sách về lao động, tiền lương, thi đua khen thưởng của BIDV đối với cán bộ chi nhánh;
* Thực hiện các quy trình liên quan đến công tác quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển cán bộ chi nhánh;
* Tổng hợp, rà soát nhu cầu đào tạo của chi nhánh; đánh giá hiệu quả công tác đào tạo tại chi nhánh, đề xuất điều chỉnh phù hợp;
* Theo dõi, quản lý dữ liệu, cập nhật, khai thác hồ sơ cán bộ của chi nhánh trên hệ thống phần mềm nhân sự;
* Tham mưu, đề xuất với lãnh đạo phòng về mô hình tổ chức của đơn vị và triển khai mô hình tổ chức theo phê duyệt của BIDV.
1. **NHÂN VIÊN NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG** *(làm việc tại Cầu Giấy, Sở Giao dịch 1, Tây Hồ)*
* Hỗ trợ cập nhật và quản lý thông tin khách hàng: Mở CIF cho khách hàng, hỗ trợ lãnh đạo Phòng thu thập thông tin khách hàng, quản lý, nhập liệu hồ sơ; scan, photo hồ sơ chứng từ…;
* Hỗ trợ nghiệp vụ tín dụng: soạn thảo hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm tài sản và các giấy tờ khác liên quan đến thủ tục nhận tài sản bảo đảm; khảo sát lại thực tế tài sản, chụp ảnh, tìm kiếm các thông tin quy hoạch, thông tin giao dịch trong quá trình định giá lại tài sản…;
* Hỗ trợ công tác bán hàng: Hỗ trợ công tác bán chéo, thâm canh trên nền khách hàng hiện hữu thông qua các hình thức như liên hệ trực tiếp khách hàng qua gọi điện/gửi tin nhắn/gửi email…hoặc phối hợp TTCSKH để triển khai các chiến dịch bán hàng qua telesales; hỗ trợ hướng dẫn khách hàng sử dụng sản phẩm, dịch vụ sau khi cán bộ quản lý khách hàng chốt bán với khách hàng;
* Hỗ trợ dịch vụ khách hàng: Hỗ trợ chăm sóc khách hàng thông qua các hình thức: gọi điện/gửi tin nhắn/gửi email… cho khách hàng; theo dõi các khoản huy động vốn, thông báo khi đến hạn quay vòng; rà soát toàn bộ công tác gán AM/RM, thay đổi gán AM/RM...
1. **NHÂN VIÊN NHÓM NGHIỆP VỤ KẾ TOÁN** *(làm việc tại các Chi nhánh: Lâm Đồng, Quảng Ngãi, thành phố Hồ Chí Minh)*
2. **Vị trí Nhân viên Giao dịch:**
* Thực hiện quản lý và giao dịch tài khoản khách hàng tại phòng GDKH trong phạm vi phân cấp uỷ quyền, phân công công việc và chức năng nhiệm vụ của phòng GDKH tuân thủ theo đúng các quy trình, quy định nghiệp vụ của BIDV;
* Thực hiện một số bước/công việc đơn giản như giao nhận chứng từ, hồ sơ với các phòng/tổ trong chi nhánh, khách hàng, phân loại chứng từ … trong quy trình tác nghiệp nhằm hỗ trợ quá trình thực hiện tác nghiệp của phòng GDKH;
* Thực hiện các báo cáo thống kê, nghiệp vụ định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của Lãnh đạo Phòng, Lãnh đạo Chi nhánh.
1. **Vị trí Nhân viên Kế toán**
* Hỗ trợ công tác kế toán: Tiếp nhận, kiểm tra số lượng chứng từ kế toán từ các phòng trong chi nhánh, chuyển về lưu trữ tập trung tại Phòng QLNB/Kế hoạch – tài chính; phân loại, sắp xếp, đánh số chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán theo đúng quy định;
* Hạch toán một số nghiệp vụ kế toán đơn giản phát sinh tại phòng: Hạch toán, theo dõi ấn chỉ, văn phòng phẩm, vật liệu; Hạch toán các giao dịch chuyển tiếp giữa các Phòng;
* Quản lý và lưu trữ hồ sơ, tài liệu kế toán.

**IV. HỒ SƠ DỰ TUYỂN**

1. BIDV **nhận thông tin ứng tuyển, phiếu đăng ký dự tuyển** (theo mẫu) **trực tuyến qua website tuyển dụng của BIDV**, không nhận hồ sơ trực tiếp tại các đơn vị (ứng viên tham khảo mẫu Phiếu Đăng ký dự tuyển khi ứng tuyển).
2. Ứng viên trúng tuyển vào vòng phỏng vấn chuẩn bị hồ sơ bản giấy (bản photo, không cần chứng thực cùng với bản gốc) để đối chiếu tại đơn vị đăng ký dự tuyển trước khi tham dự vòng phỏng vấn. Trường hợp ứng viên không có đầy đủ giấy tờ, bằng cấp theo quy định hoặc các thông tin trên giấy tờ không trùng khớp với các thông tin trong hồ sơ đăng ký trực tuyến theo hướng có lợi cho thí sinh, BIDV có thể xem xét hủy bỏ kết quả thi tuyển của ứng viên. Hồ sơ gồm:
3. *Chứng minh thư nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu;*
4. *Bằng tốt nghiệp Thạc sỹ/Đại học hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp Đại học tạm thời; Bảng điểm có xác nhận của trường. Trường hợp thí sinh dự thi vị trí Chuyên viên nghiệp vụ, nếu sử dụng bằng Thạc sỹ hoặc bằng Đại học văn bằng 2 để đăng ký (sử dụng bằng cấp này khi khai báo tạo hồ sơ trên website tuyển dụng), thí sinh phải gửi kèm bổ sung thêm file scan bằng tốt nghiệp Đại học (đối với Thạc sỹ) hoặc bằng tốt nghiệp Đại học thứ nhất (đối với Đại học văn bằng 2);*
5. *Bản sao các chứng chỉ về thành tích học tập (nếu có);*
6. *Chứng chỉ ngoại ngữ;*
7. *Các giấy tờ chứng minh kinh nghiệm công tác: Hợp đồng lao động, Quyết định tuyển dụng, Quyết định bổ nhiệm/phân công công tác, Quyết định xếp lương, sổ Bảo hiểm xã hội và các giấy tờ khác (nếu có);*
8. *03 Ảnh 4x6 của ứng viên.*

**V. PHÂN NHÓM CHI NHÁNH**

| **NHÓM I** |
| --- |
| **STT** | **Tên đơn vị** | **STT** | **Tên đơn vị** | **STT** | **Tên đơn vị** | **STT** | **Tên đơn vị** |
| 1 | Trụ sở chính | 39 | Đaklak | 77 | Long Biên Hà Nội | 115 | Sở giao dịch 3 |
| 2 | Trung tâm CNTT | 40 | Đống Đa | 78 | Mỹ Đình | 116 | Sơn Tây |
| 3 | Viện ĐT&NC | 41 | Đông Đô | 79 | Mỹ Tho | 117 | Sông Hàn |
| 4 | VPĐD trong nước | 42 | Đông Hà Nội | 80 | Nam Bình Dương | 118 | Tam Điệp |
| 5 | TT DVKQ phía Nam | 43 | Đông Hải Phòng | 81 | Nam Định | 119 | Tân Bình |
| 6 | Bà Chiểu | 44 | Đồng Bằng Sông CL  | 82 | Nam Đồng Nai | 120 | Tây Đô |
| 7 | Ba Đình | 45 | Đồng Nai | 83 | Nam Gia Lai | 121 | Tây Hồ  |
| 8 | Ba Mươi Tháng Tư | 46 | Đông Sài Gòn | 84 | Nam Hà Nội | 122 | Tây Sài Gòn |
| 9 | Bà Rịa Vũng Tàu | 47 | Gia Định | 85 | Nam Kỳ Khởi Nghĩa | 123 | Thái Bình |
| 10 | Ba Tháng Hai | 48 | Gia Lai | 86 | Nam Sài Gòn | 124 | Thái Hà |
| 11 | Bắc Giang | 49 | Gia Lâm | 87 | Nam Thái Nguyên | 125 | Thái Nguyên |
| 12 | Bắc Hà | 50 | Hạ Long | 88 | Nghệ an  | 126 | Thành phố Thủ Đức |
| 13 | Bắc Hải Dương | 51 | Hà Nam | 89 | Ngọc Khành Hà Nội | 127 | Thăng Long |
| 14 | Bắc Hưng Yên | 52 | Hà Nội | 90 | Nhà Bè  | 128 | Thành Đô |
| 15 | Bắc Ninh  | 53 | Hà Đông | 91 | Nha Trang | 129 | Thành Đông |
| 16 | Bắc Sài Gòn | 54 | Hà Thành | 92 | Ninh Bình | 130 | Thanh Hoá |
| 17 | Ban Mê | 55 | Hà Tĩnh | 93 | Ninh Thuận | 131 | Thành Nam |
| 18 | Bến Nghé | 56 | Hai Bà Trưng | 94 | Phố Núi | 132 | Thành Vinh |
| 19 | Bến Thành | 57 | Hải Dương  | 95 | Phú Mỹ Hưng | 133 | Thanh Xuân |
| 20 | Biên Hòa | 58 | Hải Phòng | 96 | Phú Nhuận | 134 | Thống Nhất |
| 21 | Bỉm Sơn | 59 | Hải Vân | 97 | Phú Tài | 135 | Thủ Dầu Một |
| 22 | Bình Chánh | 60 | Hàm Nghi | 98 | Phú Thọ | 136 | Thủ Thiêm |
| 23 | Bình Điền Sài Gòn | 61 | Hoà Bình | 99 | Phú Xuân | 137 | Tiền Giang |
| 24 | Bình Định | 62 | Hoài Đức | 100 | Phú Yên | 138 | TP.HCM |
| 25 | Bình Dương  | 63 | Hoàn Kiếm | 101 | Phúc Yên | 139 | Tràng An |
| 26 | Bình Hưng | 64 | Hoàng Mai HN | 102 | Quảng Bình | 140 | Trung tâm Sài Gòn |
| 27 | Bình Tân | 65 | Hóc Môn | 103 | Quang Minh | 141 | Trường Sơn |
| 28 | Bình Thạnh | 66 | Hồng Hà | 104 | Quảng Nam | 142 | TT Huế |
| 29 | Bình Thuận | 67 | Hùng Vương | 105 | Quảng Ngãi | 143 | Từ Liêm |
| 30 | Cẩm Phả | 68 | Hưng Yên | 106 | Quảng Ninh | 144 | Từ Sơn |
| 31 | Cần Thơ | 69 | Khánh Hoà | 107 | Quảng Trị | 145 | Vạn Phúc Hà Nội |
| 32 | Cầu Giấy | 70 | Kinh Bắc | 108 | Quang Trung | 146 | Vĩnh Phúc |
| 33 | Châu Thành Sài Gòn | 71 | Kỳ Hòa  | 109 | Quận 7 Sài Gòn  | 147 | Vũng Tàu - Côn Đảo |
| 34 | Chợ Lớn | 72 | Lạch Tray  | 110 | Quận 3 TP.HCM  |  |  |
| 35 | Chương Dương | 73 | Lâm Đồng  | 111 | Quy Nhơn |  |  |
| 36 | Đà Lạt | 74 | Lam Sơn | 112 | Sài Gòn |  |  |
| 37 | Đà Nẵng | 75 | Lạng Sơn | 113 | Sở giao dịch 1 |  |  |
| 38 | Đại La | 76 | Long An | 114 | Sở giao dịch 2 |  |  |
| **NHÓM II** |
| 1 | An Giang | 13 | Củ Chi | 25 | Hội An | 37 | Phủ Quỳ |
| 2 | Bà Rịa | 14 | Dĩ An Bình Dương | 26 | Kiên Giang  | 38 | Sa Đéc |
| 3 | Bắc An Giang | 15 | Dung Quất | 27 | Kon Tum | 39 | Sapa |
| 4 | Bắc Kạn | 16 | Đak Nông | 28 | Kỳ Anh | 40 | Sóc Trăng |
| 5 | Bạc Liêu | 17 | Đất Mũi | 29 | Lai Châu | 41 | Sơn La |
| 6 | Bắc Quảng Bình | 18 | Điện Biên | 30 | Lào Cai | 42 | Tây Nam Quảng Ninh |
| 7 | Bảo Lộc | 19 | Đông Đaklak | 31 | Mộc Hóa | 43 | Tây Ninh |
| 8 | Bến Tre | 20 | Đông Đồng Nai | 32 | Móng Cái | 44 | Trà Vinh |
| 9 | Bình Phước | 21 | Đồng Khởi | 33 | Mỹ Phước | 45 | Tuyên Quang |
| 10 | Buôn Hồ | 22 | Đồng Tháp | 34 | Phủ Diễn | 46 | Vĩnh Long |
| 11 | Cà Mau | 23 | Hà Giang | 35 | Phú Mỹ |  47 | Yên Bái |
| 12 | Cao Bằng | 24 | Hậu Giang | 36 | Phú Quốc  |  |  |

**VI. CHỈ TIÊU VÀ ĐƠN VỊ TUYỂN DỤNG:**

| TT | Đơn vị | Vị trí tuyển dụng |
| --- | --- | --- |
| Chuyên viên nghiệp vụ | Nhân viên nghiệp vụ |
| Nghiệp vụ tín dụng | Nghiệp vụ kế toán | Tổ chức nhân sự | Công nghệ thông tin | Nghiệp vụ tín dụng | Nghiệp vụ kế toán | Công nghệ thông tin |
| 1 | AN GIANG | 1 |   |   |   |   |   |   |
| 2 | BÀ CHIỂU | 2 |   |   |   |   |   |   |
| 3 | BA MƯƠI THÁNG TƯ | 4 | 2 |   |   |   |   |   |
| 4 | BA THÁNG HAI | 9 |   |   |   |   |   |   |
| 5 | BẮC AN GIANG | 2 |   |   |   |   |   |   |
| 6 | BẮC HẢI DƯƠNG | 2 |   |   |   |   |   |   |
| 7 | BẮC HƯNG YÊN | 1 |   |   |   |   |   |   |
| 8 | BẮC KẠN | 1 |   |   |   |   |   |   |
| 9 | BẮC NINH | 4 |   |   |   |   |   |   |
| 10 | BẮC SÀI GÒN | 1 |   |   |   |   |   |   |
| 11 | BAN MÊ | 2 |   |   |   |   |   |   |
| 12 | BẢO LỘC | 4 |   |   |   |   |   |   |
| 13 | BẾN NGHÉ | 2 |   |   |   |   |   |   |
| 14 | BẾN TRE | 1 |   |   |   |   |   |   |
| 15 | BẾN THÀNH | 4 |   |   |   |   |   |   |
| 16 | BIÊN HÒA | 3 |   |   |   |   |   |   |
| 17 | BỈM SƠN | 2 |   |   |   |   |   |   |
| 18 | BÌNH ĐIỀN SÀI GÒN | 3 |   |   |   |   |   |   |
| 19 | BÌNH DƯƠNG | 1 |   |   |   |   |   |   |
| 20 | BÌNH HƯNG | 4 | 1 |   |   |   |   |   |
| 21 | BÌNH TÂN | 4 |   |   |   |   |   |   |
| 22 | BÌNH THẠNH | 4 |   |   |   |   |   |   |
| 23 | BÌNH THUẬN | 2 |   |   |   |   |   |   |
| 24 | CẨM PHẢ | 4 |   |   |   |   |   |   |
| 25 | CẦU GIẤY | 2 |   |   |   | 1 |   |   |
| 26 | CHÂU THÀNH SÀI GÒN | 4 |   |   |   |   |   |   |
| 27 | CHỢ LỚN | 5 |   |   |   |   |   |   |
| 28 | CHƯƠNG DƯƠNG | 1 |   |   |   |   |   |   |
| 29 | CỦ CHI | 3 |   |   |   |   |   |   |
| 30 | ĐÀ LẠT | 6 |   |   |   |   |   |   |
| 31 | ĐẠI LA | 4 |   |   |   |   |   |   |
| 32 | ĐẮK NÔNG | 1 |   |   |   |   |   |   |
| 33 | DĨ AN - BÌNH DƯƠNG | 1 |   |   |   |   |   |   |
| 34 | ĐIỆN BIÊN | 1 | 1 |   |   |   |   |   |
| 35 | ĐB SÔNG CỬU LONG | 2 |   |   |   |   |   |   |
| 36 | ĐỐNG ĐA | 2 | 1 |   |   |   |   |   |
| 37 | ĐÔNG ĐĂK LĂK | 1 |   |   |   |   |   |   |
| 38 | ĐÔNG ĐÔ | 5 | 3 |   |   |   |   |   |
| 39 | ĐÔNG ĐỒNG NAI | 2 |   |   |   |   |   |   |
| 40 | ĐÔNG HÀ NỘI | 4 |   | 1 |   |   |   |   |
| 41 | ĐÔNG HẢI PHÒNG | 2 |   |   |   |   |   |   |
| 42 | ĐÔNG SÀI GÒN | 3 |   |   |   |   |   |   |
| 43 | ĐỒNG THÁP | 2 |   |   |   |   |   |   |
| 44 | DUNG QUẤT | 2 |   |   |   |   |   |   |
| 45 | GIA ĐỊNH | 4 |   |   |   |   |   |   |
| 46 | GIA LAI | 1 |   |   |   |   |   |   |
| 47 | GIA LÂM | 2 |   |   |   |   |   |   |
| 48 | HÀ ĐÔNG | 2 |   |   |   |   |   |   |
| 49 | HẠ LONG | 2 |   |   |   |   |   |   |
| 50 | HÀ NỘI | 6 |   |   |   |   |   |   |
| 51 | HÀ THÀNH | 8 |   |   |   |   |   |   |
| 52 | HÀ TĨNH | 3 |   |   |   |   |   |   |
| 53 | HAI BÀ TRƯNG | 6 |   |   |   |   |   |   |
| 54 | HÀM NGHI | 3 |   |   |   |   |   |   |
| 55 | HẬU GIANG | 1 |   |   |   |   |   |   |
| 56 | HOÀ BÌNH | 2 |   |   |   |   |   |   |
| 57 | HOÀI ĐỨC |   |   |   |   |   |   |   |
| 58 | HOÀNG MAI HÀ NỘI | 3 |   |   |   |   |   |   |
| 59 | HÓC MÔN | 2 | 1 |   |   |   |   |   |
| 60 | HỘI AN | 2 |   |   |   |   |   |   |
| 61 | HỒNG HÀ | 3 |   | 1 |   |   |   |   |
| 62 | THỪA THIÊN HUẾ | 2 |   |   |   |   |   |   |
| 63 | HÙNG VƯƠNG | 1 |   |   |   |   |   |   |
| 64 | KIÊN GIANG | 5 |   |   |   |   |   |   |
| 65 | KINH BẮC | 2 |   |   |   |   |   |   |
| 66 | KỲ HÒA | 4 |   |   |   |   |   |   |
| 67 | LẠCH TRAY | 1 |   |   |   |   |   |   |
| 68 | LÂM ĐỒNG | 5 |   |   |   |   | 1 |   |
| 69 | LẠNG SƠN | 3 |   |   |   |   |   |   |
| 70 | LONG AN | 4 |   |   |   |   |   |   |
| 71 | LONG BIÊN HÀ NỘI | 4 |   |   |   |   |   |   |
| 72 | MỘC HÓA | 6 |   |   | 1 |   |   |   |
| 73 | MÓNG CÁI | 2 |   |   |   |   |   |   |
| 74 | MỸ ĐÌNH | 3 |   |   |   |   |   |   |
| 75 | MỸ THO | 3 |   |   |   |   |   |   |
| 76 | NAM BÌNH DƯƠNG | 2 |   |   |   |   |   |   |
| 77 | NAM ĐỒNG NAI | 4 |   |   |   |   |   |   |
| 78 | NAM HÀ TĨNH | 3 |   |   |   |   |   |   |
| 79 | NAM KỲ KHỞI NGHĨA | 11 |   |   |   |   |   |   |
| 80 | NAM SÀI GÒN | 5 |   |   |   |   |   |   |
| 81 | NAM THÁI NGUYÊN | 3 |   |   |   |   |   |   |
| 82 | NGHỆ AN | 2 |   |   |   |   |   |   |
| 83 | NGỌC KHÁNH HÀ NỘI | 2 |   |   |   |   |   |   |
| 84 | NHA TRANG | 2 |   |   |   |   |   |   |
| 85 | NINH THUẬN | 2 |   |   |   |   |   |   |
| 86 | PHỐ NÚI | 3 |   |   |   |   |   |   |
| 87 | PHÚ NHUẬN | 1 |   |   |   |   |   |   |
| 88 | PHÚC YÊN | 1 |   |   |   |   |   |   |
| 89 | QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | 5 |   |   |   |   |   |   |
| 90 | QUẬN 7 SÀI GÒN | 5 |   |   |   |   |   |   |
| 91 | QUẢNG BÌNH | 2 |   |   |   |   |   |   |
| 92 | QUẢNG NAM | 4 |   |   |   |   |   |   |
| 93 | QUẢNG NGÃI | 5 | 1 |   |   |   | 1 |   |
| 94 | QUẢNG NINH | 3 |   |   |   |   |   |   |
| 95 | SÀI GÒN | 3 |   |   |   |   |   |   |
| 96 | SỞ GIAO DỊCH 1 |   |   |   |   | 3 |   |   |
| 97 | SỞ GIAO DỊCH 2 | 4 |   |   |   |   |   |   |
| 98 | SỞ GIAO DỊCH 3 | 4 |   |   |   |   |   |   |
| 99 | SƠN LA | 1 |   |   |   |   |   |   |
| 100 | SƠN TÂY | 2 |   |   |   |   |   |   |
| 101 | TAM ĐIỆP | 1 |   |   |   |   |   |   |
| 102 | TÂN BÌNH | 2 |   |   |   |   |   |   |
| 103 | TÂY HỒ |   |   |   |   | 1 |   |   |
| 104 | TÂY NAM QUẢNG NINH | 1 |   |   |   |   |   |   |
| 105 | TÂY SÀI GÒN | 4 |   |   |   |   |   |   |
| 106 | THÁI BÌNH | 3 |   |   |   |   |   |   |
| 107 | THÁI HÀ | 1 |   |   |   |   |   |   |
| 108 | THĂNG LONG | 4 | 1 |   |   |   |   |   |
| 109 | THANH HÓA | 4 |   |   |   |   |   |   |
| 110 | THÀNH NAM | 3 |   |   |   |   |   |   |
| 111 | THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC | 1 | 1 |   |   |   |   |   |
| 112 | THỦ THIÊM | 2 |   |   |   |   |   |   |
| 113 | TP HỒ CHÍ MINH | 9 | 2 |   |   |   | 1 |   |
| 114 | TRÀNG AN | 5 |   |   |   |   |   |   |
| 115 | TRUNG TÂM SÀI GÒN | 5 |   |   |   |   |   |   |
| 116 | TRƯỜNG SƠN | 2 |   |   |   |   |   |   |
| 117 | TUYÊN QUANG | 1 |   |   |   |   |   |   |
| 118 | VẠN PHÚC HÀ NỘI | 1 |   |   |   |   |   |   |
| 119 | VĨNH PHÚC | 5 |   |   |   |   |   |   |
| 120 | YÊN BÁI | 2 |   |   |   |   |   |   |
| 121 | ĐÀ NẴNG | 1 |   |   |   |   |   |   |
| 122 | PHÚ QUỐC | 1 |   |   |   |   |   |   |
| 123 | LÀO CAI | 3 |   |   |   |   |   |   |
| 124 | THỐNG NHẤT | 1 |   |   |   |   |   |   |
| 125 | THÀNH ĐÔ | 1 |   |   |   |   |   |   |

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam trân trọng thông báo./.

1. Đối với các ứng viên sử dụng văn bằng cử nhân do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được cơ quan có thẩm quyền công nhận có trình độ đào tạo Đại học (tương đương bậc 6 khung trình độ Quốc gia) trở lên theo quy định của Pháp luật về việc công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam trừ các trường hợp được miễn thủ tục công nhận văn bằng theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 13/2021/TT-BGDĐT ngày 15/04/2021 [↑](#footnote-ref-1)